

Bản án số: 30/2017/HSST
Ngày 25-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Mới

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **34/2017/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:**

Bùi XuânM, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Bùi Văn S (đã chết) và con bà: Phạm Thị N, sinh năm 1954; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 03/5/2017 đến ngày 12/5/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Kênh Trạch, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Bùi XuânM bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi như sau:

Ngày 12/4/2017, Bùi XuânM thuê nhà của anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1977 ở thôn Kênh Trạch, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng để mở quán cà phê và lấy tên là Hồng Ngọc. Trong quá trình kinh doanh,M có thuê 02 nhân viên phục vụ quán là Lê Thị H, sinh năm 1991 ở thôn Quan Độ, xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và Lèo Thị Hu, sinh năm 1988 ở Bản Cang, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La. H vàM có thỏa thuận, nếu khách đến uống nước và có nhu cầu mua sâm thì H sẽ bán sâm tại quán với giá 200.000 đồng một lượt, cònM thu tiền nước. Khoảng 20 giờ ngày 03/5/2017, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985 ở thôn Nam Tạ, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng cùng bạn là Lâm Văn T, sinh năm 1980 ở cùng thôn đến quán cà phê Hồng Ngọc củaM uống nước. Tại đây, Đ có nhu cầu mua sâm nên đặt vấn đề với H, H đồng ý. M thu của Đ 250.000 đồng và bảo H đưa Đ lên gác xếp của quán để bán sâm. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi H và Đ đang thực hiện việc mua bán sâm thì bị Công an huyện Vĩnh Bảo phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng gồm: Số tiền 250.000 đồng và 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 06/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Bùi XuânM về tội “Chứa mại sâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo M khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố và thừa nhận hành vi của mình gây ra là sai trái và vi phạm pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng kết thúc phần tranh luận đã khẳng định: Việc truy tố bị cáo Bùi XuânM về tội “Chứa mại sâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình như bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 06/9/2017 là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật. Căn cứ vai trò, tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị:

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 33; khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Bùi XuânM từ 12 tháng đến 18 tháng tù, trừ cho bị cáo những ngày bị tạm giữ tạm giam tính từ ngày 03/5/2017 đến ngày 12/5/2017. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 254; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999 phạt bị cáo từ 5.000.000 đến 7.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 250.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng hình sự:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Xuân M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo là rõ ràng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 03/5/2017 Bùi Xuân M đã có hành vi dùng quán cà phê Hồng Ngọc do mình quản lý để cho Lê Thị H, sinh năm 1991 ở thôn Quan Độ, xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985 ở thôn Nam Tạ, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng thực hiện việc mua bán dâm tại quán cà phê của mình để thu lời bất chính số tiền 250.000 đồng (Bao gồm cả tiền nước và tiền mua bán dâm).

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Xuân M đã phạm vào tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình sự".

Điều luật quy định:

1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.

...

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng. Hành vi của bị cáo không chỉ thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường đạo đức xã hội mà còn xâm phạm đến đời sống văn hóa và thuần phong mỹ tục của nhân dân, gây bức xúc, bất bình trong nhân dân. Do đó, cần phải có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi

phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời là bài học, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo M không phải chịu tình tiết định khung tăng nặng nên xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo M không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Cần nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử cho rằng cần phải áp dụng hình phạt cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định đối với bị cáo mới bảo đảm tính răn đe, giáo dục và đấu tranh chống tội phạm.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 254 Bộ luật Hình sự quy định "*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng tịch thu một phần hoặc T bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm*". Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng xét thấy để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định phạt bị cáo 5.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, qua so sánh thấy mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 237 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội Chứa mại dâm "*Từ một đến năm năm*" nhẹ hơn so với mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; **khoản 3** Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 hướng dẫn các quy định có lợi cho người phạm tội nên khi xét xử cần vận dụng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Kênh Trạch, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng là người cho M thuê quán để mở quán cà phê Hồng Ngọc. Qua quá trình điều tra xác minh xác định anh T không biết việc M dùng quán để chứa mại dâm nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh T là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn Đ và Lê Thị H là những người mua dâm và bán dâm tại quán cà phê Hồng Ngọc của M Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo đã xử lý hành chính đối với Đ và H là đúng quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử xét: 01 bao cao su đã qua sử dụng, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; số tiền 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng là tiền có được do phạm tội mà có cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân M phạm tội “Chứa mại dâm”.

2/ Về hình phạt: Áp dụng khoản 5 Điều 254; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Xuân M 12 (Mười hai) tháng tù, trừ cho bị cáo những ngày bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 03/5/2017 đến ngày 12/5/2017). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bị cáo 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bị cáo Bùi Xuân M phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3/ Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng. T bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản thu giữ, đã được bàn giao tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo.

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- CATP Hải Phòng(PC 81, PV 27);
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- CA huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS huyện Vĩnh Bảo;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh